TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 123/2022/DS-ST
Ngày 29-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến;

2. Bà Đỗ Thị A.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Trần Phú L, sinh năm 1976. (theo Giấy ủy quyền số 225/2021/GUQ-CNQ10 ngày 26/05/2021). (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Giang C, sinh năm 1974; Địa chỉ tạm trú: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2021 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phú L trình bày như sau:

Ngày 27/08/2020, bà Nguyễn Thị Giang C có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 14840845 bao gồm Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân (gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị Giang C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Mục đích: Tiêu dùng cá nhân.

- Loại thẻ: MC Contactless CreGold.

- Số thẻ: 526830-4323

- Lãi suất trong hạn: 2,6%/tháng.

- Ngày ký hợp đồng: 27/08/2020.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà C đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22/09/2020 đến 22/02/2021 với tổng số tiền là 59.400.000đ.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), bà C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong tóm tắt sao kê kèm theo.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Nguyễn Thị Giang C đã thanh toán (bao gồm vốn, lãi, phí…) cho Ngân hàng với tổng số tiền là 33.500.000đ. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự sau:

- Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.

- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.

- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.

- Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.

- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/3/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 29.356.713 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,9%/tháng (tương đương 150% của lãi suất trong hạn).

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Giang C phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 29/4/2022 là 44.736.805đ (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm lẻ năm đồng) trong đó nợ gốc là 29.356.713đ và nợ lãi là 15.380.092đ. Yêu cầu bà C tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Giang C: vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng".

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị Giang C có nơi cư trú tại đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Giang C đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Phú L có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 14840845 ngày 27/8/2020 và các tài liệu chứng khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Giang C có thỏa thuận với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thanh toán tiền lãi phát sinh và các loại phí có liên quan đến thẻ (theo Điều 23 và 25 của Bản điều khoản và điều hiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Xét, sự thỏa thuận nêu trên giữa bà C và Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Bản tóm tắt sao kê cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có cơ sở xác định sau khi được cấp thẻ tín dụng bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.400.000đ. Quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà C đã thanh toán cho Ngân hàng được 33.500.000đ (thứ tự thanh toán được thực hiện theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều hiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 22/3/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/4/2022, bà C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 44.736.805đ (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm lẻ năm đồng) trong đó nợ gốc là 29.356.713đ và nợ lãi là 15.380.092đ.

Xét, việc bà C ngừng thanh toán tiền cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Điều 24 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân: "*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ*

cho đến kỳ TBGD tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng"; "Khi vi phạm xảy ra, Chủ thể hiểu và đồng ý rằng Sacombank có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: a) Tạm ngưng hoặc Chấm dứt sử dụng Thẻ và thu hồi toàn bộ Dư Nợ; b) Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Sacombank.", nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà C trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 18, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[2.3] Tại Điều 24 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân thì giữa Ngân hàng và bà C có thỏa thuận với nhau về việc *"Khi vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng Sacombank có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: b) Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Sacombank."*. Xét, việc các bên tự thỏa thuận với nhau về mức lãi suất xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 14840845 ngày 27/8/2020 thì lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là 3.9%/tháng. Như vậy, tổng số tiền mà bà C phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 29/4/2022 là 44.736.805đ (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm lẻ năm đồng) trong đó nợ gốc là 29.356.713đ và nợ lãi là 15.380.092đ.

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì *"...Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật…"*; *"Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn"*, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà C phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Giang C trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 29/4/2022 là 44.736.805đ (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm lẻ năm đồng) trong đó nợ gốc là 29.356.713đ và nợ lãi là 15.380.092đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Giang C phải chịu số tiền là 2.236.840đ (Hai triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm bốn mươi đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 788.302đ (Bảy trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm lẻ hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018201 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Ngọc